



**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VND)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

MCCB (APTOMAT) loại 2 Pha				ELCB & RCCB (chống rò điện) loại 2 pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	480,000	32GRc	15-20-30A	1.5	235,000
ABN62c	60A	30	570,000	32GRhd	15-20-30A	2.5	210,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	650,000	32KGRd	15-20-30A	2.5	235,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	1,230,000	EBS52Fb	40-50A	2.5	420,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	3,050,000	EBE102Fb	60-75-100A	5	740,000
ABS32c	10A	25	520,000	RKP 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	4.5	250,000
ABS102c	75-100-125A	85	950,000	RKS 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	515,000
BS32c (ko vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	70,000	RKN 2P	25-32-40A		480,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	78,000	RKN 2P	63A		490,000
MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha				ELCB (chống rò điện) loại 3 pha			
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	570,000	EBN53c	15,20,30,40,50A	14	1,390,000
ABN63c	60A	18	680,000	EBN103c	60,75,100A	18	1,500,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	760,000	EBN203c	25,150,175,200,225,250A	26	2,870,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	1,450,000	EBN403c	250-300-350-400A	37	6,800,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	3,620,000	EBN803c	500,630A	37	9,900,000
ABN803c	500-630A	45	7,480,000	EBN803c	800A	37	10,500,000
ABN803c	800A	45	8,450,000	ACB METASOL 3 Pha (loại FIXED)			
ABS33c	5A-10A	14	610,000	AN-06D3-06H	630A	65	43,950,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	680,000	AN-08D3-08H	800A	65	46,500,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,120,000	AN-10D3-10H	1000A	65	46,950,000
ABS203c	150,175,200,225,250A	42	1,850,000	AN-13D3-13H	1250A	65	47,400,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	4,000,000	AN-16D3-16H	1600A	65	49,000,000
ABS803c	500-630A	75	10,000,000	AS-20E3-20H	2000A	85	53,450,000
ABS803c	800A	75	11,500,000	AS-25E3-25H	2500A	85	59,500,000
ABS1003b	1000A	65	19,600,000	AS-32E3-32H	3200A	85	72,950,000
ABS1203b	1200A	65	21,500,000	AS-40E3-40H	4000A	85	108,350,000
MCCB (Áptomat) 3 Pha loại Chính dòng (0.8-1) x In max				AS-50F3-50H	5000A	100	136,650,000
ABE 103G	63-80-100A	16	1,450,000	AS-63G3-63H	6300A	120	199,850,000
ABS 103G	80-100A	25	1,775,000	PHỤ KIỆN ACB			
ABE 203G	125-160-200-250A	16	1,600,000	<b>Bộ bảo vệ thấp áp</b>	Under Voltage Trip Device (UVT coil)		2,265,000
ABS 203G	125-160-200-250A	25	1,990,000	(UVT+UDC)	UVT Time Delay Controller		6,235,000
TD100N FMU100	32-40-50-63-80-100A	50	1,615,000	<b>Khóa liên động</b>	2-way (dùng cho 2 ACB)		19,840,000
TD160N FMU160	125A	50	2,385,000	Mechanical Interloc	3-way (dùng cho 3 ACB)		39,680,000
TD160N FMU160	160A	50	3,110,000	PHỤ KIỆN MCCB			
TS250N FMU250	200A	50	3,860,000	<b>Shunt Trip (SHT)</b>	ABN53c~ABH250c		720,000
TS250N FMU250	250A	50	5,066,000		ABN400~ABS800AF		850,000
TS400N FMU400	300, 400A	65	5,215,000		ABS1000A & 1200A		2,100,000
TS630N FMU630	500, 630A	65	6,950,000		TS1000~1600		1,060,000
TS800N FMU800	800A	65	11,000,000	<b>Under Vol. Trip (UVT)</b>	ABN53c~ABH250c		900,000
<b>TS1000N 3P</b>	<b>(AG6) 1000A</b>	50	43,000,000		ABN400~ABS800AF		970,000
TS1250N 3P	(AG6) 1250A	50	44,000,000		1200AF		2,260,000
<b>TS1600N 3P</b>	<b>(AG6) 1600A</b>	50	46,000,000	<b>Auxiliary switch (AX)</b>	ABN53c~ABH250c		280,000
					ABN400~ABS800AF		420,000
					1200AF		1,350,000
PHỤ KIỆN MCCB				<b>Alarm switch (AL)</b>	ABN53c~ABH250c		280,000
<b>Busbar</b> ABN/S803c	500-600-800A		690,000		ABN400~ABS800AF		420,000
<b>Spreader SP33a</b>	TS400-TS630		500,000		1200AF		1,350,000
<b>Spreader SP43</b>	TS800		840,000	<b>AL/AX</b>	ABN53c~ABH250c		600,000
<b>Busbar for</b>	3P TS1600		5,800,000				

**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

<b>MCB (CB tép)</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
<b>BKN -1P (1 tép)</b>	6-10-16-20-25-32-40A	6	60,000
	50-63A	6	63,000
<b>BKN -2P (2 tép)</b>	6-10-16-20-25-32-40A	6	133,000
	50-63A	6	135,000
<b>BKN -3P (3 tép)</b>	6-10-16-20-25-32-40A	6	210,000
	50-63A	6	214,000
<b>BKN -4P (4 tép)</b>	6-10-16-20-25-32-40A	6	365,000
	50-63A	6	405,000
<b>BKN-b 1P</b>	6~40A	10	90,000
	50~63A	10	106,000
<b>BKN-b 2P</b>	6~40A	10	190,000
	50~63A	10	230,000
<b>BKN-b 3P</b>	6~40A	10	308,000
	50~63A	10	412,000
<b>BKN-b 4P</b>	6~40A	10	495,000
	50~63A	10	620,000
<b>BKH 1P</b>	80-100A	10	165,000
	125A	10	185,000
<b>BKH 2P</b>	80-100A	10	385,000
	125A	10	425,000
<b>BKH 3P</b>	80-100A	10	620,000
	125A	10	685,000
<b>BKH 4P</b>	80-100	10	805,000
	125	10	890,000

<b>SWITCH DISCONNECTOR</b>		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
<b>BKD 1P</b>	40,50,63,80,100A	60,000
<b>BKD 2P</b>	40,50,63,80,100A	129,000
<b>BKD 3P</b>	40,50,63,80,100A	205,000
<b>BKD 4P</b>	40,50,63,80,100A	293,000

<b>ACB METASOL 3 POLES (DRAW OUT)</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06A	600A	65	58,200,000
AN-08D3-08A	800A	65	58,400,000
AN-10D3-10A	1000A	65	58,600,000
AN-13D3-13A	1250A	65	58,800,000
AN-16D3-16A	1600A	65	59,000,000
AS-20D3-20A	2000A	70	64,500,000
AS-20E3-20A	2000A	85	65,200,000
AS-25E3-25A	2500A	85	68,000,000
AS-32E3-32A	3200A	85	82,800,000
AS-40E3-40A	4000A	85	151,800,000
AS-40F3-40A	4000A	100	153,000,000
AS-50F3-50A	5000A	100	160,200,000
AS-40G3-40A	4000A	120	219,000,000
AS-50G3-50A	5000A	120	245,900,000
AS-63G3-63A	6300A	120	284,700,000

<b>MCCB SUSOL 3 PHA</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
<b><i>FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units</i></b>			
TD100N FTU100	-20-25-32-40-50-63-80-100	50	1,540,000
TD160N FTU160	125A	50	2,145,000
TD160N FTU160	160A	50	2,950,000
TS250N FTU250	125-160-200A	50	3,670,000
TS250N FTU250	250A	50	4,815,000
TS400N FTU400	300-400A	65	4,950,000
TS630N FTU630	500, 630A	65	6,260,000
TS800N FTU800	800A	65	9,910,000
<b><i>FMU: Adjustable thermal, fixed magnetic trip units (0.8~1)</i></b>			
TD100N FMU100	32-40-50-63-80-100A	50	1,615,000
TD160N FMU160	125A	50	2,385,000
TD160N FMU160	160A	50	3,110,000
TS250N FMU250	200A	50	3,860,000
TS250N FMU250	250A	50	5,066,000
TS400N FMU400	300, 400A	65	5,215,000
TS630N FMU630	500, 630A	65	6,950,000
TS800N FMU800	800A	65	11,000,000
<b><i>ATU: Adjustable thermal, Adjustable magnetic trip units</i></b>			
TS160N ATU160	160A	50	3,400,000
TS250N ATU250	200A	50	4,065,000
TS250N ATU250	250A	50	5,330,000
<b><i>ETU: Electronic trip units: chỉnh 13 bước từ 0.4-&gt;1 x In</i></b>			
TS250N ETS23	250A	50	5,905,000
TS400N ETS33	400A	65	6,095,000
TS630N ETS33	630A	65	7,830,000
TS800N ETS43	800A	65	12,380,000
TS1000N 3P	(trip AG6) 1000A	50	43,000,000
TS1250N 3P	(trip AG6) 1250A	50	44,000,000
TS1600N 3P	(trip AG6) 1600A	50	46,000,000

<b>PHỤ KIỆN MCCB Susol</b>	
Shunt release: SHT for TD, TS100->800	635,000
Undervoltage release: UVT for TD, TS100->800	895,000
Auxiliary switch: AX for TD, TS100->800	278,000
Alarm switch: AL for TD, TS100->800	278,000
Fault alarm switch: FAL for TD, TS100->800	278,000
Motor operator: MOP1 for TD100, 160	3,860,000
Motor operator: MOP2 for TS100, 160, 250	4,830,000
Motor operator: MOP3 for TS400, 630	7,420,000
Motor operator: MOP4 for TS800	9,460,000
Spreader SP33a TS400-TS630	500,000
Spreader SP43 TS800	840,000

**- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)**

**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

<b>KHỐI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES)</b>		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a <sup>(1)</sup>	6A (1a)	200,000
MC-9a <sup>(1)</sup>	9A (1a)	220,000
MC-12a <sup>(1)</sup>	12A (1a)	235,000
MC-18a <sup>(1)</sup>	18A (1a)	375,000
MC-9b <sup>(2)</sup>	9A (1a1b)	230,000
MC-12b <sup>(2)</sup>	12A (1a1b)	260,000
MC-18b <sup>(2)</sup>	18A (1a1b)	385,000
MC-22b <sup>(2)</sup>	22A (1a1b)	470,000
MC-32a <sup>(2)</sup>	32A (2a2b)	690,000
MC-40a <sup>(2)</sup>	40A (2a2b)	810,000
MC-50a <sup>(3)</sup>	50A (2a2b)	860,000
MC-65a <sup>(3)</sup>	65A (2a2b)	970,000
MC-75a <sup>(4)</sup>	75A (2a2b)	1,200,000
MC-85a <sup>(4)</sup>	85A (2a2b)	1,510,000
MC-100a <sup>(4)</sup>	100A (2a2b)	1,850,000
MC-130a <sup>(5)</sup>	130A (2a2b)	2,150,000
MC-150a <sup>(5)</sup>	150A (2a2b)	2,580,000
MC-185a <sup>(6)</sup>	185A (2a2b)	4,100,000
MC-225a <sup>(6)</sup>	225A (2a2b)	4,200,000
MC-265a <sup>(7)</sup>	265A (2a2b)	6,350,000
MC-330a <sup>(7)</sup>	330A (2a2b)	6,800,000
MC-400a <sup>(7)</sup>	400A (2a2b)	7,300,000
MC-500a <sup>(8)</sup>	500A (2a2b)	14,500,000
MC-630a <sup>(8)</sup>	630A (2a2b)	15,600,000
MC-800a <sup>(8)</sup>	800A (2a2b)	18,540,000

<b>TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)</b>		
AC-9	MC-6a~40a	320,000
AC-50	MC-50a~100a	390,000

<b>TIẾP ĐIỂM PHỤ</b>		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	65,000
AU-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	62,000
AU-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	115,000
AU-100 (bên hông)	NO+2NC dùng cho MC-185a~800	180,000

<b>KHÓA LIÊN ĐỘNG</b>		
UR-2	MC-6a~150a	88,000
AR-180	MC-185a~400a	640,000
AR-600	MC-500a~800a	9,500,000

<b>CONTACTOR RELAYS</b>		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	250,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	310,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	370,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	350,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	415,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	470,000

<b>RƠ LÊ NHIỆT</b>		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MT-12 <sup>(1)</sup>	0.63~18A	180,000
MT-32 <sup>(2)</sup>	0.63~19A	235,000
MT-32 <sup>(2)</sup>	21.5~40A	250,000
MT-63 <sup>(3)</sup>	34-50,45-65A	580,000
MT-95 <sup>(4)</sup>	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	750,000
MT-150 <sup>(5)</sup>	80-105A, 95-130A, 110-150A	1,150,000
MT-225 <sup>(6)</sup>	85-125,100-160,120-185,160-240A	2,150,000
MT-400 <sup>(7)</sup>	200-330A và 260-400A	3,100,000
MT-800 <sup>(8)</sup>	400-630A và 520-800A	8,500,000

(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;

(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;

(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a đến MC-65a gồm các loại: 34-50A và 45-65A;

(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a

(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a

(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a

(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a

(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630A và MC-800a

<b>CUỘN HÚT KHỐI ĐỘNG TỪ</b>	
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b	80,000
Coil for MC32a, 40a	80,000
Coil for MC-50a, 65a	190,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a	190,000
Coil for MC-130a, 150a	880,000
Coil for MC-185a, 225a	1,170,000
Coil for MC-330a, 400a	2,050,000
Coil for MC-630a, 800a	3,530,000

<b>DÂY ĐẦU NỐI LIÊN ĐỘNG (WIRE ASS'Y for UR-2)</b>	
UW-18 dùng cho MC-6a~18a	180,000
UW-22 dùng cho MC-9b~22b	180,000
UW-32 dùng cho MC-32a & 40a	200,000
UW-63 dùng cho MC-50a & 65a	230,000
UW-95 dùng cho MC-75a ~ 100a	460,000

<b>NẮP CHỤP BẢO VỆ</b>	
SAFETY COVER dùng cho MC-6a~150a	6,500
SAFETY COVER dùng cho MC-185a~800a	12,000

<b>HỘP CHO KHỐI ĐỘNG TỪ</b>		
MW-9bB~22bB	dùng cho MC-6a~18a, 9b~22b	480,000
MW-32aB/40aB	dùng cho MC-32a, 40a	550,000
MW-50aB/65aB	dùng cho MC-50a, 65a	750,000
MW-75aB~100aB	dùng cho MC-75a, 85a, 100a	850,000

**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VND)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

MCCB 4 POLES				ELCB & RCCB 4P (chống rò điện)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	865,000	RKN 4P	25-32-40A		560,000
ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	990,000	RKN 4P	63A		648,000
ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	1,880,000	EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	2,655,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	4,600,000	EBS104c	5,20,30,40,50,60,75,100,125	37	3,000,000
ABN804c	500-630	45	9,500,000	EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	5,100,000
ABN804c	800A	45	10,600,000	EBN404c	250,300,350,400A	37	11,300,000
ABS104c	50,60,75,100,125A	42	1,450,000	<b>ACB METASOL 4 POLES (FIXED)</b>			
ABS204c	150,200,250A	42	2,400,000	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS404c	250-300-350-400A	65	5,200,000	AN-06D4-06H	630A	65	49,150,000
ABS804c	500-630A	75	12,800,000	AN-08D4-08H	800A	65	51,950,000
ABS804c	800A	75	14,500,000	AN-10D4-10H	1000A	65	52,950,000
ABS1004b	1000A	65	23,000,000	AN-13D4-13H	1250A	65	54,350,000
ABS1204b	1200A	65	24,500,000	AN-16D4-16H	1600A	65	55,300,000
TS1000N 4P	(Susol-Trip AG6) 1000A	50	45,000,000	AS-20E4-20H	2000A	85	61,700,000
TS1250N 4P	(Susol-Trip AG6) 1250A	50	48,000,000	AS-25E4-25H	2500A	85	68,300,000
TS1600N 4P	(Susol-Trip AG6) 1600A	50	54,000,000	AS-32E4-32H	3200A	85	83,500,000
<b>CONTACTOR 4 Poles AC (Metasol)</b>				AS-40E4-40H	4000A	85	129,500,000
Tên hàng	Tiếp điểm phụ	Frame A	Giá bán	AS-40F4-40H	4000A	100	137,000,000
MC-6a/4		6A	290,000	AS-50F4-50H	5000A	100	158,000,000
MC-9a/4		9A	300,000	AS-63G4-63H	6300A	120	280,500,000
MC-12a/4		12A	330,000	<b>ACB METASOL 4 POLES (DRAW OUT)</b>			
MC-18a/4		18A	430,000	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
MC-22a/4		22A	520,000	AN-06D4-06A	600A	65	64,600,000
MC-32a/4		32A	730,000	AN-08D4-08A	800A	65	64,800,000
MC-40a/4		40A	890,000	AN-10D4-10A	1000A	65	66,650,000
MC-50a/4		50A	950,000	AN-13D4-13A	1300A	65	66,800,000
MC-65a/4		65A	1,140,000	AN-16D4-16A	1600A	65	67,000,000
MC-75a/4		75A	1,450,000	AS-20D4-20A	2000A	70	73,700,000
MC-85a/4		85A	1,860,000	AS-20E4-20A	2000A	85	79,450,000
MC-100a/4	(2a2b)	100A	2,880,000	AS-25E4-25A	2500A	85	81,150,000
MC-130a/4	(2a2b)	130A	3,350,000	AS-32E4-32A	3200A	85	92,500,000
MC-150a/4	(2a2b)	150A	4,950,000	AS-40E4-40A	4000A	85	191,650,000
MC-185a/4	(2a2b)	185A	5,600,000	AS-40F4-40A	4000A	100	239,200,000
MC-225a/4	(2a2b)	225A	5,750,000	AS-50F4-40A	5000A	100	272,590,000
MC-265a/4	(2a2b)	265A	8,700,000	AS-40G4-40A	4000A	120	302,100,000
MC-330a/4	(2a2b)	330A	9,300,000	AS-50G4-50A	5000A	120	339,450,000
MC-400a/4	(2a2b)	400A	9,950,000	AS-63G4-63A	6300A	120	393,200,000
MC-500a/4	(2a2b)	500A	19,800,000	<b>- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)</b>			
MC-630a/4	(2a2b)	630A	21,450,000				
MC-800a/4	(2a2b)	800A	23,500,000				

**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

<b>MCCB (APTOMAT) 2 POLES</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS102b	15-20-30-40-50-75A	50	800,000
ABE202b	150-200A	35	900,000

<b>MCCB (APTOMAT) 3 POLES</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABE33b	15A	2.5	390,000
ABE103b	15-60A	14	630,000
ABS53b	15-40A	14	510,000
ABS103b	15-20A	25	925,000
ABH53b	20-40A	25	1,010,000
ABH103b	20-40A	35	1,000,000
ABL53a	30A-50A	65	1,390,000
ABL103a	75A	65	1,500,000
ABS803b	700A	65	9,100,000

<b>MCCB (Áptomat) 3 Poles Chính dòng</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
GBN103	50A	35	1,487,000

<b>CONTACTOR 3 POLES</b>		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
GMC-18	18A (1a1b)	300,000
GMC-40	40A (2a2b)	660,000
GMC-125	125A (2a2b)	1,950,000

<b>RƠ LE NHIỆT</b>		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
GTH-12M	1A~16A <sup>(9)</sup>	165,000
GTH-22	0.63~22A <sup>(1)</sup>	195,000
GTH-85	34~85A <sup>(3)</sup>	365,000
GTH-100	65-100A <sup>(4)</sup>	580,000

<b>ELCB &amp; RCCB (chống rò điện)</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
EBE53b	10-15A	5	1,300,000
EBE203b	175-200A	18	2,700,000
EBE803b	700A	37	10,055,000

<b>ELCB 4P (chống rò điện)</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
EBS54b	20-40-50A	25	2,640,000
EBS104b	40-50A	25	3,000,000

<b>MCCB 4 POLES</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABE104b	10-15-40-60A	14	825,000
ABE204b	175A	18	1,445,000
ABS54b	15-20-30A	14	860,000
ABS104b	15-20-40-75A	25	1,125,000
ABH104b	40-60-75A	35	1,210,000
ABH204b	150-225A	35	1,825,000

<b>CONTACTOR 4 Poles AC (Metamec)</b>			
Tên hàng	Tiếp điểm phụ	Frame A	Giá bán
GMC-22/4	(1a1b)	22A	655,000
GMC-40/4	(2a2b)	40A	1,145,000
GMC-75/4	(2a2b)	75A	1,745,000
GMC-85/4	(2a2b)	85A	2,195,000
GMC-125/4	(2a2b)	125A	3,395,000
GMC-180/4	(2a2b)	180A	6,850,000
GMC-220/4	(2a2b)	250A	7,130,000
GMC-400/4	(2a2b)	400A	10,700,000

<b>MINI CONTACTOR 3 Poles AC</b>		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
GMC-6M	6A	165,000
GMC-12M	12A	195,000
GMC-16M	16A	285,000

phụ trang (Metamec)

**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VND)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

VCB 24KV			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVB-20P-13D/06	630A	12.5KA	93,130,000
LVB-20E-13D/06	630A	12.5KA	105,480,000
LVB-20F-13D/06	630A	12.5KA	113,250,000
LVB-20G-13D/06	630A	12.5KA	149,580,000
LVB-20P-13D/12	1200A	12.5KA	117,210,000
LVB-20E-13D/12	1200A	12.5KA	129,560,000
LVB-20F-13D/12	1200A	12.5KA	137,330,000
LVB-20G-13D/12	1200A	12.5KA	175,710,000
LVB-20P-25D/06	630A	25KA	115,070,000
LVB-20E-25D/06	630A	25KA	127,420,000
LVB-20F-25D/06	630A	25KA	135,190,000
LVB-20G-25D/06	630A	25KA	173,440,000
LVB-20P-25D/12	1200A	25KA	125,710,000
LVB-20E-25D/12	1200A	25KA	138,060,000
LVB-20F-25D/12	1200A	25KA	145,835,000
LVB-20G-25D/12	1200A	25KA	183,980,000
LVB-20P-25D/20	2000A	25KA	142,510,000
LVB-20E-25D/20	2000A	25KA	165,790,000
LVB-20F-25D/20	2000A	25KA	174,090,000
LVB-20G-25D/20	2000A	25KA	207,500,000

VCB 24KV			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
LVB-20P-13D/06T	630A	12.5KA	111,755,000
LVB-20E-13D/06T	630A	12.5KA	126,575,000
LVB-20F-13D/06T	630A	12.5KA	135,905,000
LVB-20G-13D/06T	630A	12.5KA	179,500,000
LVB-20P-13D/12T	1200A	12.5KA	140,650,000
LVB-20E-13D/12T	1200A	12.5KA	155,470,000
LVB-20F-13D/12T	1200A	12.5KA	164,800,000
LVB-20G-13D/12T	1200A	12.5KA	210,850,000
LVB-20P-25D/06T	630A	25KA	138,085,000
LVB-20E-25D/06T	630A	25KA	152,905,000
LVB-20F-25D/06T	630A	25KA	162,230,000
LVB-20G-25D/06T	630A	25KA	208,130,000
LVB-20P-25D/12T	1200A	25KA	150,855,000
LVB-20E-25D/12T	1200A	25KA	165,670,000
LVB-20F-25D/12T	1200A	25KA	175,000,000
LVB-20G-25D/12T	1200A	25KA	220,780,000
LVB-20P-25D/20T	2000A	25KA	171,000,000
LVB-20E-25D/20T	2000A	25KA	198,945,000
LVB-20F-25D/20T	2000A	25KA	208,905,000
LVB-20G-25D/20T	2000A	25KA	249,000,000
LVB-20M-25D/20	2000A	25KA	291,580,000

**- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)**

P = Fixed type

E = E class draw-out type

F = F class draw-out type

G = G class draw-out type

**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

VCB Susol			VCB Susol		
Tên hàng		Giá bán	Tên hàng		Giá bán
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Fixed	54,230,000	3.6/7.2KV, 50KA, 3150A	Fixed	607,280,000
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Draw-out (E class)	62,410,000	3.6/7.2KV, 50KA, 3150A	Draw-out (G class for MCSG)	919,315,000
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Draw-out (F class)	69,515,000	3.6/7.2KV, 50KA, 4000A	Fixed	933,770,000
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Draw-out (G class for MESG)	78,375,000	3.6/7.2KV, 50KA, 4000A	Draw-out (G class for MCSG)	1,451,530,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Fixed	63,235,000	12KV, 20KA, 630A	Fixed	109,775,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Draw-out (E class)	73,500,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (E class)	137,230,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Draw-out (F class)	80,565,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (F class)	147,255,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Draw-out (G class for MESG)	90,300,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	223,340,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Fixed	93,320,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	244,910,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (E class)	111,475,000	12KV, 20KA, 1250A	Fixed	116,785,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (F class)	120,530,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (E class)	146,090,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (G class for MESG)	133,530,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (F class)	157,965,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	199,585,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	238,970,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Fixed	100,330,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	260,485,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (E class)	119,900,000	12KV, 20KA, 2000A	Fixed	145,845,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (F class)	129,585,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (E class)	203,920,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (G class for MESG)	143,555,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (F class)	215,940,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	214,630,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	285,360,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Fixed	149,835,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	316,370,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (E class)	201,245,000	12KV, 25KA, 630A	Fixed	119,360,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (F class)	213,950,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (E class)	147,255,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (G class for MESG)	226,460,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (F class)	157,625,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	293,345,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	236,825,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Fixed	101,400,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	259,365,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (E class)	119,995,000	12KV, 25KA, 1250A	Fixed	126,955,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (F class)	129,490,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (E class)	156,795,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (G class for MESG)	142,925,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (F class)	169,065,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	210,980,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	253,375,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Fixed	109,045,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	275,915,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (E class)	129,050,000	12KV, 25KA, 2000A	Fixed	158,500,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (F class)	139,225,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (E class)	218,570,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (G class for MESG)	153,680,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (F class)	231,130,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	226,845,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	302,690,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Fixed	162,880,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	335,600,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (E class)	215,845,000	12KV, 50KA, 1250A	Fixed	435,730,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (F class)	229,280,000	12KV, 50KA, 1250A	Draw-out (G class for MCSG)	577,830,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (G class for MESG)	242,375,000	12KV, 50KA, 2000A	Fixed	485,580,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	311,260,000	12KV, 50KA, 2000A	Draw-out (G class for MCSG)	634,390,000
3.6/7.2KV, 50KA, 1250A	Fixed	435,730,000	12KV, 50KA, 2500A	Fixed	536,060,000
3.6/7.2KV, 50KA, 1250A	Draw-out (G class for MCSG)	577,830,000	12KV, 50KA, 2500A	Draw-out (G class for MCSG)	805,890,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2000A	Fixed	485,580,000	12KV, 50KA, 3150A	Fixed	607,280,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2000A	Draw-out (G class for MCSG)	634,395,000	12KV, 50KA, 3150A	Draw-out (G class for MCSG)	919,315,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2500A	Fixed	536,060,000	12KV, 50KA, 4000A	Fixed	933,770,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2500A	Draw-out (G class for MCSG)	805,890,000	12KV, 50KA, 4000A	Draw-out (G class for MCSG)	1,451,530,000

**BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VND)**

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

VCB Susol			VCB Susol		
		Giá bán	Tên hàng	In (A)	Giá bán
17.5KV, 20KA, 630A	Fixed	109,770,000	17.5KV, 50KA, 2500A	Draw-out (G class for MCSG)	805,890,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (E class)	137,325,000	17.5KV, 50KA, 3150A	Fixed	607,280,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (F class)	147,935,000	17.5KV, 50KA, 3150A	Draw-out (G class for MCSG)	919,315,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	229,136,000	24KV, 25KA, 2500A	Fixed	436,365,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	249,775,000	24KV, 25KA, 2500A	Draw-out (H class for MCSG)	595,060,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Fixed	116,785,000	24KV, 31.5KA, 1250A	Fixed	386,275,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (E class)	146,090,000	24KV, 31.5KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	533,725,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (F class)	157,965,000	24KV, 31.5KA, 2000A	Fixed	409,835,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	244,420,000	24KV, 31.5KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	576,660,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	265,695,000	24KV, 31.5KA, 3150A	Fixed	506,220,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Fixed	145,845,000	24KV, 31.5KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	697,630,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (E class)	204,405,000	24KV, 40KA, 1250A	Fixed	436,460,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (F class)	216,915,000	24KV, 40KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	586,835,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	291,150,000	24KV, 40KA, 2000A	Fixed	463,140,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	322,355,000	24KV, 40KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	633,955,000
17.5KV, 25KA, 630A	Fixed	119,360,000	24KV, 40KA, 3150A	Fixed	572,035,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (E class)	147,355,000	24KV, 40KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	768,455,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (F class)	158,355,000	36KV, 25KA, 1250A	Fixed	372,110,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	242,670,000	36KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	685,215,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	264,235,000	36KV, 25KA, 2000A	Fixed	400,730,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Fixed	126,960,000	36KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	724,255,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (E class)	156,800,000	36KV, 25KA, 3150A	Fixed	496,580,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (F class)	169,065,000	36KV, 25KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	898,530,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	258,830,000	36KV, 31.5KA, 1250A	Fixed	435,340,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	281,125,000	36KV, 31.5KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	780,965,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Fixed	158,500,000	36KV, 31.5KA, 2000A	Fixed	468,835,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (E class)	219,060,000	36KV, 31.5KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	825,995,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (F class)	232,105,000	36KV, 31.5KA, 3150A	Fixed	592,380,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	308,485,000	36KV, 31.5KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	1,025,145,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	341,585,000	36KV, 40KA, 1250A	Fixed	485,435,000
17.5KV, 50KA, 1250A	Fixed	435,730,000	36KV, 40KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	833,300,000
17.5KV, 50KA, 1250A	Draw-out (G class for MCSG)	577,830,000	36KV, 40KA, 2000A	Fixed	522,770,000
17.5KV, 50KA, 2000A	Fixed	485,580,000	36KV, 40KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	882,365,000
17.5KV, 50KA, 2000A	Draw-out (G class for MCSG)	634,390,000	36KV, 40KA, 3150A	Fixed	660,485,000
17.5KV, 50KA, 2500A	Fixed	536,060,000	36KV, 40KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	1,095,730,000